

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/HS-ST  
Ngày 11 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trinh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Tuất;

Bà Lê Thị Bích Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Trừu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 203/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 180/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021, đối với:

***- Bị cáo:*** Vũ Văn C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1996 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, phường Q, thành phố T1; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Trần Văn L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trịnh Duy M, sinh năm 1991 nơi cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### *1. Nội dung chính:*

Vào khoảng tháng 11/2020 anh Nguyễn Văn P và vợ là chị Nguyễn Thị Thu H thuê Vũ Văn C phụ giúp trong việc đi mua bán cây gỗ tạp. Vợ chồng anh P có cho C 01 mượn xe mô tô biển số 60H1-165.77, 01 xe mô tô biển số 38P1-492.64 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U để sử dụng phục vụ công việc. Từ ngày 29/01/2021 đến ngày 08/3/2021, C đã nhiều lần lợi dụng tín nhiệm của vợ chồng anh P để chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào ngày 28/01/2021, vợ chồng anh P về quê ăn tết nên nhờ C trông coi nhà và giữ xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77 do anh P nhận cầm cố của chị Nguyễn Thị S. Khoảng 09 giờ ngày 29/01/2021, C điều khiển xe mô tô biển số 60H1-165.77 đến tiệm cầm đồ “Hoàng H” tại ấp 1, xã S, huyện T do Trần Văn R làm chủ để cầm cố xe mô tô biển số 60H1-165.77 với số tiền 20.000.000 đồng (trực tiếp làm thủ tục cầm cố là anh Trần Văn L – con ông R). Sau đó, anh L viết giấy biên nhận cầm xe giao lại cho C một bản, còn C giao cho anh L 01 xe mô tô biển số 60H1-165.77, 01 Giấy phép lái xe tên Vũ Văn C và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60H1-165.77 mang tên chị Nguyễn Thị S (thời hạn cầm cố đến ngày 16/2/2021). Ngày 17/02/2021, khi vợ chồng anh P từ quê vào thì không thấy xe mô tô biển số 60H1-165.77 nên hỏi C thì C cho nói dối anh P là chị S đã chuộc lại xe, còn tiền C đã sử dụng để lo việc riêng và hứa sẽ trừ dần vào tiền lương tháng. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: xe mô tô biển số 60H1-165.77 trị giá 30.000.000 đồng (bút lục số 51-68; 93-96; 220-121).

Vụ thứ 2: Trong thời gian C làm thuê cho vợ chồng anh P thì C được anh P cho mượn 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U để sử dụng. Ngày

27/02/2021, C không có tiền tiêu xài nên đã tự ý mang máy tính xách tay nhãn hiệu A3SUS A540U của vợ chồng anh P cho mượn đến tiệm cầm đồ “Đức K” tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T do anh Nguyễn Đức K làm chủ để cầm cố. Tại đây, C gặp anh Nguyễn Đăng Q là người làm thuê của anh K và yêu cầu cầm máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U với giá 2.000.000 đồng, anh Q đồng ý sau đó viết giấy cầm máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U giao lại cho C một bản (thời hạn cầm cố đến ngày 27/3/2021). Sau khi nhận 2.000.000 đồng C tiêu xài cá nhân hết. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U trị giá 3.000.000 đồng (bút lục số 51-68; 109-115; 120-121).

Vụ thứ 3: Vào các ngày 05, 06 và 07/3/2021, chị Nguyễn Thị Thu H sử dụng tài khoản ViettelPay, số điện thoại 0967962686 của chị H chuyển tiền vào tài khoản số 14910000035430 Ngân hàng BIDV và tài khoản ViettelPay, số điện thoại 0865304345 do Vũ Văn C làm chủ tài khoản với số tiền 39.500.000 đồng để C rút tiền đưa cho anh P thanh toán tiền công cho thợ cắt cây. Sau khi nhận được tiền do chị H chuyển vào tài khoản của C, nhưng C không rút tiền để đưa cho vợ chồng anh P chị H. Khi chị H hỏi thì C nói chưa rút được và chiếm đoạt số tiền trên.

Vụ thứ 4: Vào sáng 08/3/2021, C lấy lý do bị mệt đề xin anh P nghỉ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô biển số 38P1-492.64 của gia đình anh P đến tiệm cầm đồ “Duy P2” tại ấp 1, xã S, huyện T. Tại đây C gặp anh Trịnh Duy M là chủ tiệm cầm đồ, C và anh M thỏa thuận cầm xe mô tô biển số 38P1- 492.64 với giá 8.000.000 đồng, anh M viết giấy cầm đồ (thời hạn cầm cố đến ngày 08/4/2021) và giao tiền cho C, còn C giao xe mô tô biển số 38P1-492.64 và Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 38P1-492.64 cho anh M. Sau đó, C bỏ trốn khỏi nhà anh P chị H và rút số tiền 39.500.000 đồng mà chị H đã chuyển nhờ vào tài khoản của C, số tiền này C đã tiêu xài hết. Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: Xe mô tô biển số 38P1-492.64 trị giá 10.000.000 đồng (bút lục số 51-68; 101-105; 120-121).

Do không thấy C đưa tiền mà chị H đã chuyển khoản cho C vào ngày 05, 06 và 07/3/2021 nên chị H đã gọi điện cho C nhưng không liên lạc được, vợ chồng anh P đến phòng trọ tìm C thấy C còn để lại 03 tờ giấy cầm cố tài sản của vợ chồng anh P gồm: 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77, 01 xe mô tô biển số 38P1-492.64 và 01 máy Laptop hiệu ASUS A540U nên anh P đã

đền Công an thị trấn T trình báo, Công an thị trấn T thu giữ 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77, 01 xe mô tô biển số 38P1-492.64, 01 máy Laptop hiệu ASUS A540U do Cường đã mang đi cầm tại các dịch vụ cầm đồ, đồng thời chuyển hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thụ lý theo thẩm quyền (bút lục số 36-68; 120-121).

## *2. Định giá tài sản:*

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77, xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 38P1-492.64; máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U màu đen bạc (tất cả đã qua sử dụng) có tổng trị giá 43.000.000 đồng. Cùng với số tiền 39.500.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của anh P, chị H. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 82.500.000 đồng.

## *3. Vật chứng:*

- Xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77; xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 38P1-492.64; Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60H1-165.77; Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 38P1-492.64; máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U màu đen bạc; (các tài sản này anh Nguyễn Văn P là chủ sở hữu và quản lý nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng anh P).

- 01 Giấy phép lái xe mang tên Vũ Văn C, do C sử dụng cầm cố tài sản vào ngày 29/01/2021.

- 01 USB do anh Trịnh Duy M giao nộp thể hiện ngày 08/3/2021 có 01 người đến tiệm cầm đồ Duy P để cầm xe mô tô biển số 38P1-492.64.

## *5. Về bồi thường dân sự:*

- Bị hại anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 39.500.000 đồng đã chiếm đoạt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; anh Đỗ Đăng Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; anh Trịnh Duy M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng;

Bị cáo chưa hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và chưa bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

6. Truy tố: Tại bản Cáo trạng số: 210/CT-VKS-TB ngày 07 tháng 9 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Vũ Văn C về tội

“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*7. Trình bày của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:*

*7.1 Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:*

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Vũ Văn C từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

- Đề nghị trả lại Giấy phép lái xe mang tên Vũ Văn C, do C sử dụng cầm cố tài sản vào ngày 29/01/2021 cho bị cáo.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*7.2 Bị cáo và người tham gia tố tụng trình bày:*

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố.

- Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Tố tụng:**

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Duy M, anh Nguyễn Đăng Q đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra và đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng; Đồng thời, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh:

Lợi dụng sự tin tưởng của anh P và chị H, từ ngày 29/01/2021 đến ngày 08/3/2021, Vũ Văn C đã nhiều lần chiếm đoạt của anh P, chị H các tài sản gồm: Số tiền 39.500.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE biển số 60H1-165.77, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 38P1-492.64; máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS A540U màu đen bạc (tất cả đã qua sử dụng) có tổng trị giá 43.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 82.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của Vũ Văn C đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thuộc trường hợp được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của Vũ Văn C là nguy hiểm cho xã hội, lạm dụng tín nhiệm của chủ sở hữu, người quản lý tài sản, nhiều lần xâm phạm tài sản và gây thiệt hại cho chủ sở hữu, người quản lý tài sản với giá trị lớn. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian với mức án nghiêm khắc; để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án; Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị này được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Giấy phép lái xe số 380183014026 do Sở giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/8/2018 mang tên Vũ Văn C.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB do anh M giao nộp thể hiện ngày 08/3/2021 có 01 người đến tiệm cầm đồ Duy P để cầm xe mô tô biển số 38P1-492.64.

[5] Về dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 39.500.000 đồng đã chiếm đoạt; Quá trình điều tra, anh Trịnh Duy M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; tại phiên tòa, anh Trần Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Đăng Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận thấy: Vào các ngày 05, 06 và 07/3/2021, chị Nguyễn Thị Thu H đã chuyển vào tài khoản của Cường số tiền 39.500.000 đồng để C rút tiền đưa cho anh P thanh toán tiền công cho thợ cắt cây. Sau khi nhận được tiền do chị H chuyển, C không rút tiền để đưa cho anh P mà chiếm đoạt số tiền trên. Số tiền trên là tài sản hợp pháp của anh P, chị H nên C phải hoàn trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật; Ngoài ra, bị cáo đã dùng tài sản không thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình đi cầm cố mà không được sự đồng ý của người quản lý tài sản. Anh M, anh Q, anh L không biết tài sản C dùng để cầm cố là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, giao dịch giữa các bên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật; các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; Yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh P, chị H số tiền 39.500.000 đồng; hoàn trả cho anh M số tiền 8.000.000 đồng; hoàn trả cho anh L số tiền 20.000.000 đồng, hoàn trả cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 131, Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Vũ Văn C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng);

- Buộc bị cáo Vũ Văn C phải hoàn trả cho anh Trịnh Duy M số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng);

- Buộc bị cáo Vũ Văn C phải hoàn trả cho anh Trần Văn L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Buộc bị cáo Vũ Văn C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Đăng Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bị cáo Giấy phép lái xe số 380183014026 do Sở giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/8/2018 mang tên Vũ Văn C.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB do anh Trịnh Duy M giao nộp thể hiện ngày 08/3/2021 có 01 người đến tiệm cầm đồ Duy P để cầm xe mô tô biển số 38P1-492.64.



**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vũ Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.125.000 (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Duy M, anh Nguyễn Đăng Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Dương Thị Thùy Trinh**